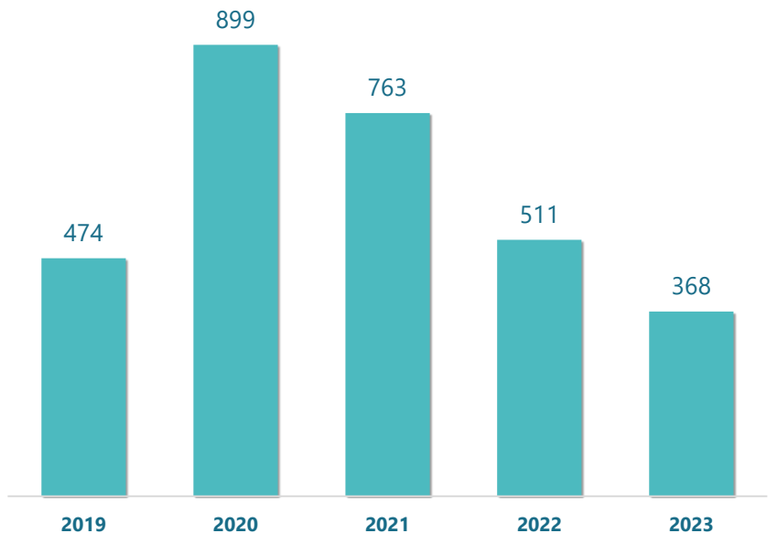
# CTCP Cao su Công nghiệp

FireAnt

| Ngày 29/12/2023 | 7,900 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | 0% | 0% | 0.0% |

| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 7,900 - 7,900 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 138 |
| Số lượng CPLH (CP) | 17,500,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | |
| Sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Beta | (0.00) |
| EPS | 384 |
| P/E | 20.6 |

## EPS




*(Nguồn: fireant.vn)*

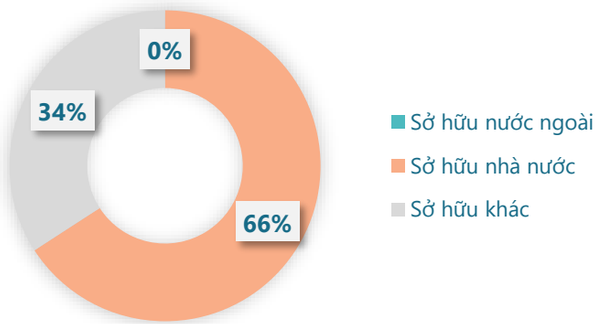
**DT thuần**
*2023*
**19.8**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 3.50| 21.0%

**LN trước thuế**
*2023*
**8.17**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼3.23| -28.5%

**LN sau thuế**
*2023*
**6.44**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼2.50| -28.0%

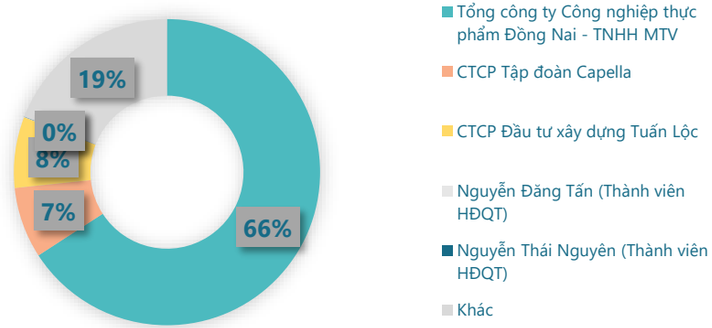
**ROE**
2023
**3.5%**
+/- YoY: ▼ 1.3%

## Cơ cấu sở hữu



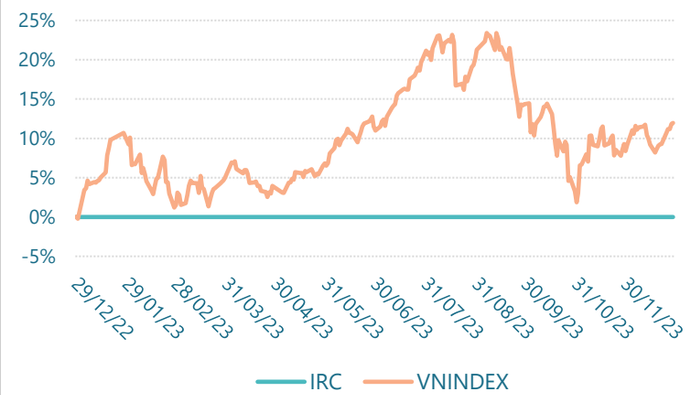

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

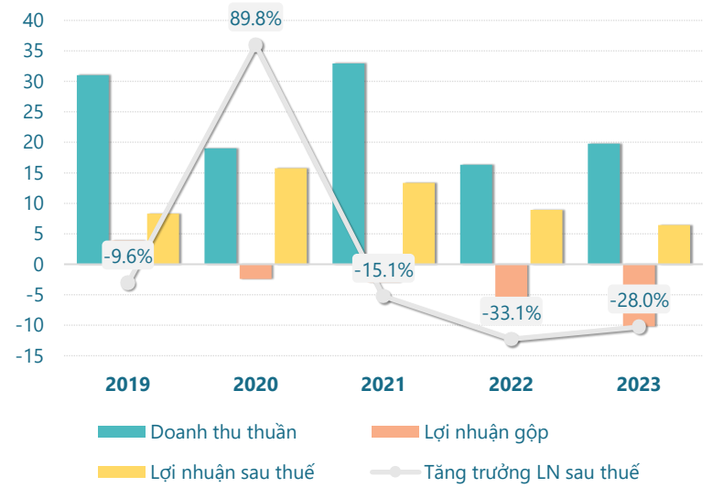
## Tỷ suất lợi nhuận



# CTCP Cao su Công nghiệp

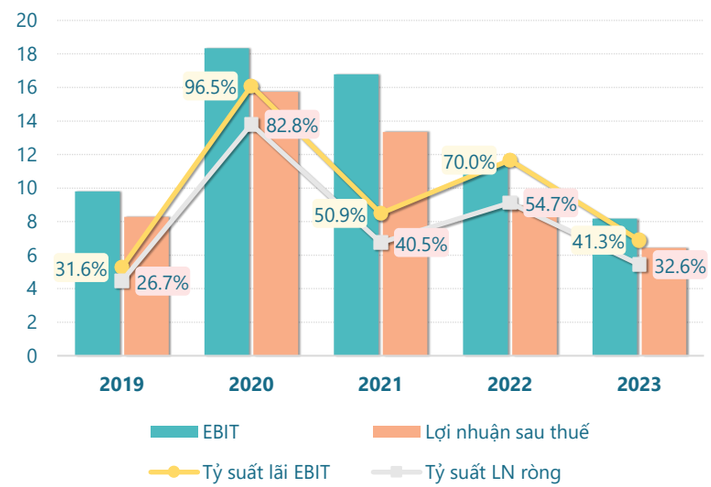
FireAnt

## Kết quả kinh doanh



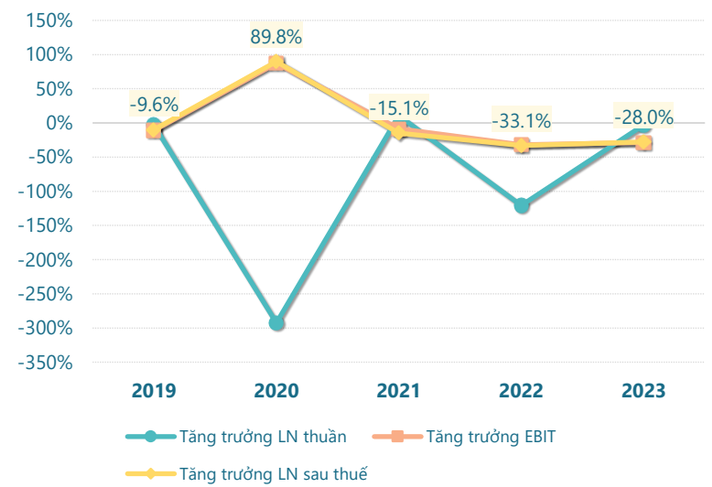

(Nguồn: fireant.vn)

## EBIT - Lợi nhuận sau thuế



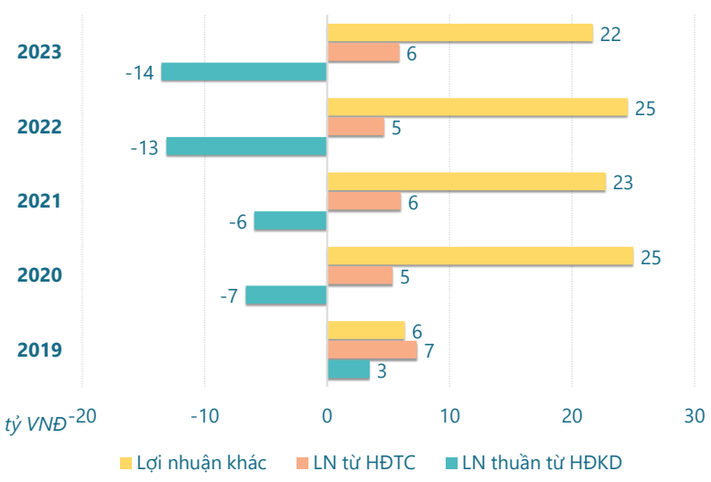

(Nguồn: fireant.vn)

## Tăng trưởng lợi nhuận



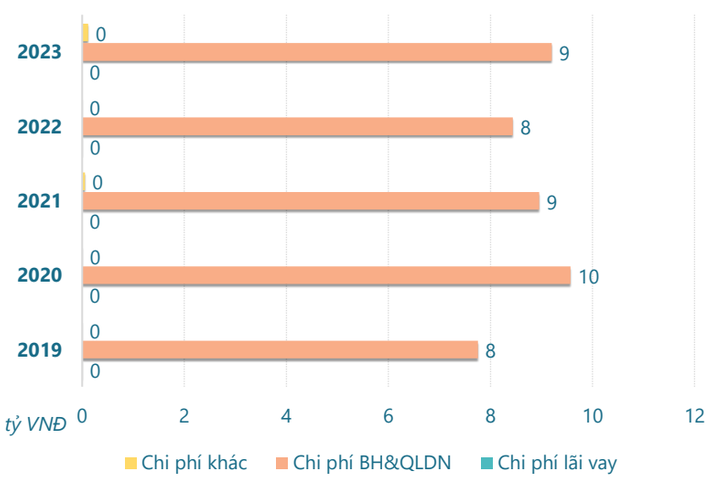

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu lợi nhuận



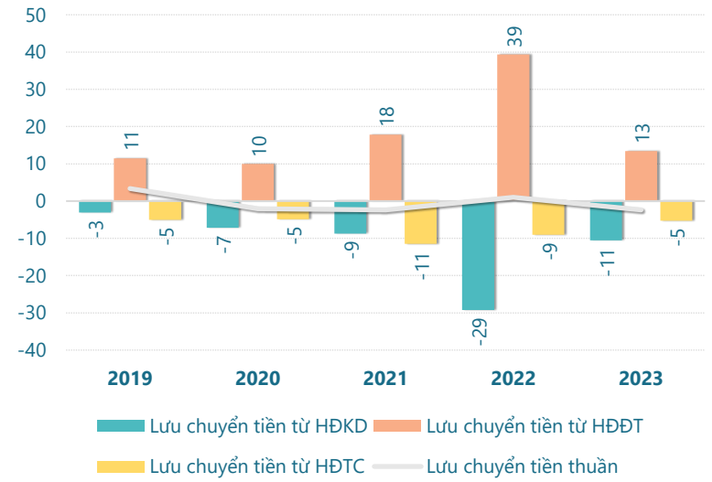

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu chi phí



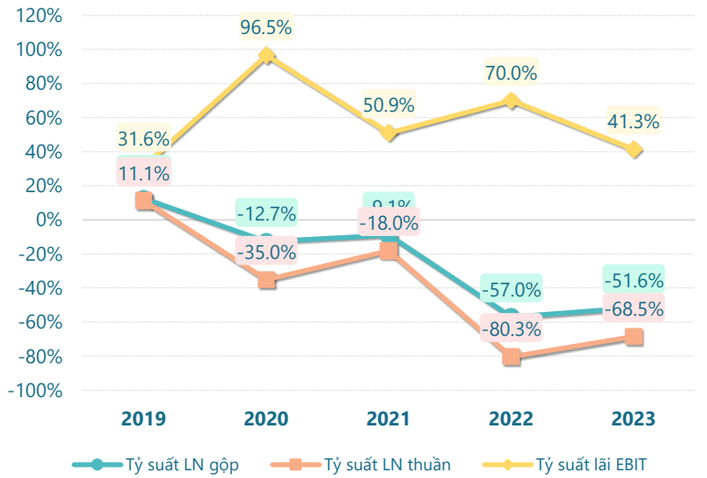

(Nguồn: fireant.vn)

## Lưu chuyển tiền



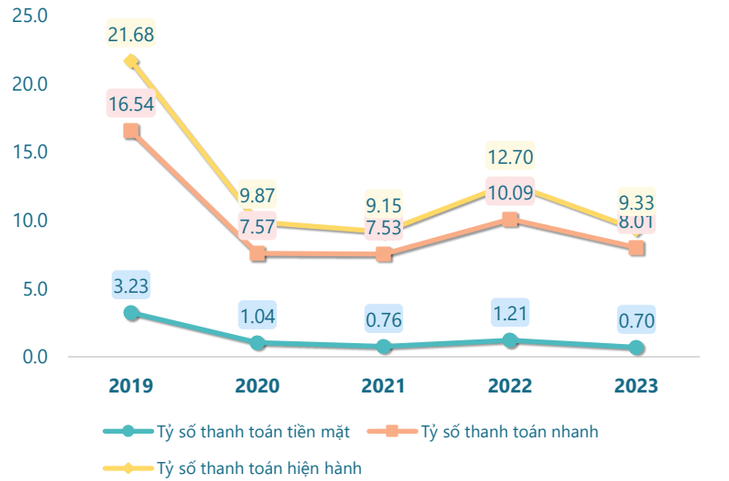

(Nguồn: fireant.vn)

## Tỷ suất lợi nhuận



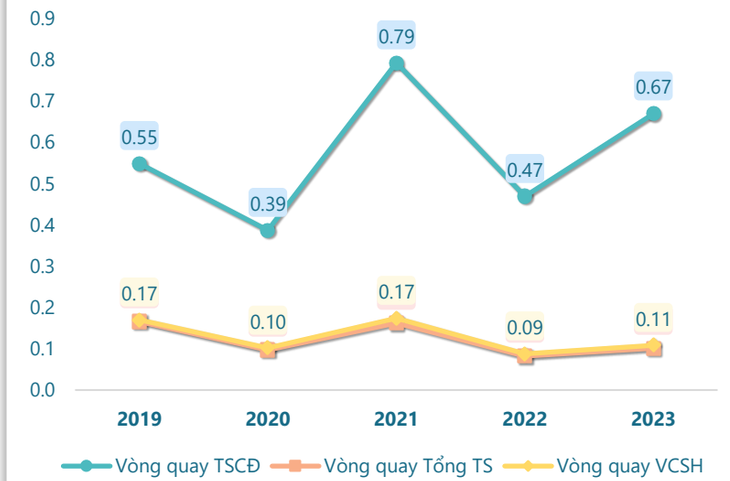

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản



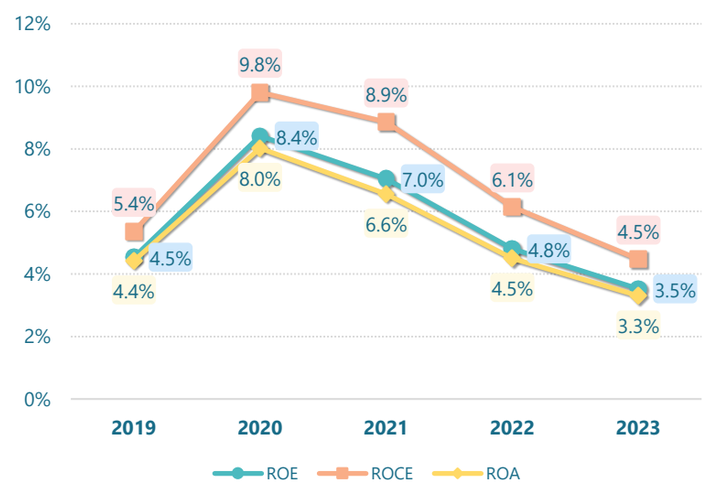

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



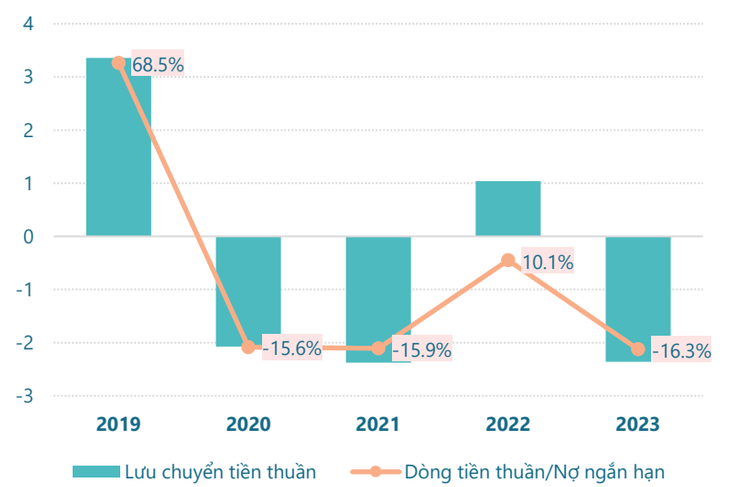

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



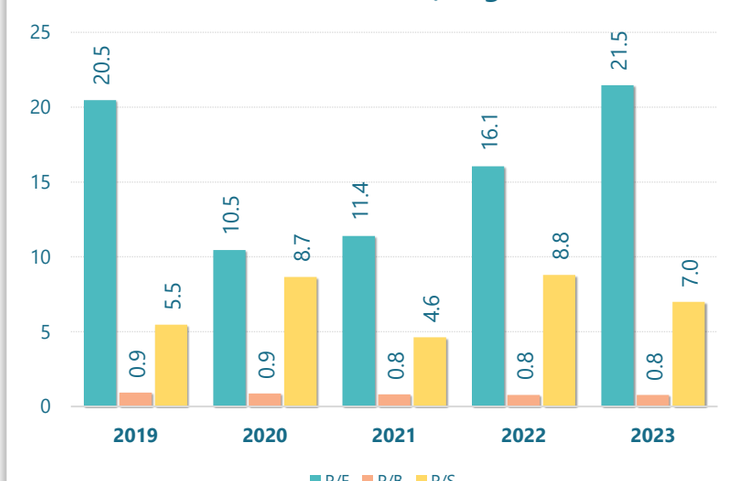

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nhóm chỉ số định giá




*(Nguồn: fireant.vn)*